

Số: /QĐ-UBND

Đức Phố, ngày tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm  
và động vật thủy sản trên địa bàn thị xã Đức Phố năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/01/2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ ban hành về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 172/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 về việc phê duyệt kế hoạch quốc gia phòng chống dịch cúm gia cầm (CGC) giai đoạn 2019-2025; số 1632/QĐ-TTg ngày 22/10/2020 về việc phê duyệt “Chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng (LMLM) giai đoạn 2021-2025”; số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) giai đoạn 2020 - 2025; số 434/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch Quốc gia phòng, chống một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021-2030; số 1705/QĐ-TTg-CP ngày 12/10/2021 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (CTMTQGGBV) giai đoạn 2021 - 2025; số 1814/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) trên trâu, bò, giai đoạn 2022 - 2030; số 2151/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Đại, giai đoạn 2022 - 2030;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 Quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT*

ngày 31/5/2016 Quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; số 4117/BNN-TY ngày 01/7/2021 về việc chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và bố trí kinh phí phòng chống bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2022; số 3486/LĐTĐ-BHXH-VPOGGN ngày 06/10/2021 về việc xây dựng kế hoạch năm 2022 thực hiện CTMTQGGNBV giai đoạn 2021 - 2025; số 9170/BNN-TY ngày 31/12/2021 về việc tổ chức triển khai Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh VDNC trên trâu, bò, giai đoạn 2022 - 2030” và số 17/BNN-TY ngày 05/01/2022 về việc tổ chức triển khai Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Đại, giai đoạn 2022 - 2030”;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 767/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Kế hoạch Quốc gia phòng, chống bệnh cúm gia cầm giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 1548/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCB giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 1827/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 692/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 312/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh VDNC trên trâu bò giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 451/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch phòng chống dịch gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; số 752/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-SNNPTNT ngày 28/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Phương án Quản lý thuốc thú y phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 68/TTr-PKT ngày 07/7/2022, Công văn số 218/PTC ngày 06/7/2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn thị xã Đức Phổ năm 2022, với các nội dung như sau:

**1. Tên Kế hoạch:** Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn thị xã Đức Phổ năm 2022.

**2. Cơ quan thực hiện:** Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Đức Phổ và UBND các xã, phường, các đơn vị liên quan.

### 3. Đối tượng, tỷ lệ, địa bàn và thời gian thực hiện tiêm phòng:

TT	Loại bệnh	Đối tượng tiêm phòng	Tỷ lệ và địa bàn thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Bệnh LMLM gia súc	Trâu, bò từ: 04 tuần tuổi trở lên.	Tiêm đạt tỉ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng của thị xã.	- Đợt 1: Tháng 6/2022. - Đợt 2: Từ tháng 12/2022. - Tiêm bổ sung cho trâu, bò chưa tiêm phòng và nuôi mới.
2	Bệnh Cúm gia cầm	Gia cầm từ 2 tuần trở lên.	Tiêm 100% các đàn gia cầm có số lượng từ 50 con trở lên của các xã, phường.	- Đợt 1: Từ tháng 4/2022. - Đợt 2: Từ tháng 10/2022. - Tiêm bổ sung cho gia cầm chưa tiêm phòng và nuôi mới.
3	Bệnh Đại động vật	Chó, mèo từ 2 tháng tuổi trở lên.	Tiêm đạt tỉ lệ tối thiểu 70% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng của thị xã.	- Tiêm đại trà vào tháng 5/2022. - Tiêm bổ sung hàng tháng cho chó, mèo nuôi mới.
4	Bệnh VDNC trâu bò	Trâu, bò, bê, nghé mọi lứa tuổi, kể cả con mẹ mang thai.	Tiêm đạt tỉ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng của thị xã.	- Tiêm đại trà 1 đợt/năm vào tháng 7/2022. - Tiêm bổ sung cho trâu, bò chưa tiêm phòng và nuôi mới.
5	Bệnh DTLCP	Lợn từ 2 tháng tuổi trở lên.	Tiêm đạt tỉ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng của thị xã.	- Đợt 1: Tháng 7/2022. - Đợt 2: Tháng 12/2022. - Tiêm bổ sung cho lợn chưa tiêm phòng và nuôi mới.
6	Bệnh THT trâu bò	Trâu, bò từ 6 tháng tuổi trở lên.	Tiêm đạt tỉ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng của thị xã.	- Tiêm đại trà 1 đợt/năm vào tháng 8/2022; - Tiêm bổ sung cho trâu, bò chưa tiêm phòng và nuôi mới.
7	Bệnh DTL cở điển	Lợn từ 5 tuần tuổi trở lên.		- Đợt 1: Tháng 6/2022. - Đợt 2: Tháng 12/2022. - Tiêm bổ sung cho lợn chưa tiêm phòng và nuôi mới.
8	Bệnh Tai xanh	Lợn nái, đực giống.	Tiêm đạt tỉ lệ tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng của thị xã.	Khi có dịch xảy ra

### 4. Vắc xin sử dụng tiêm phòng:

<b>TT</b>	<b>Loại bệnh</b>	<b>Loại vắc xin</b>	<b>Liều lượng</b>
1	Bệnh LMLM gia súc	Theo Công văn chỉ đạo của Cục Thú y và Quyết định số 780/QĐ-SNNPTNT ngày 28/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT	Theo quy định của nhà sản xuất
2	Bệnh Cúm gia cầm		
3	Bệnh Đại động vật		
4	Bệnh VDNC trâu, bò		
5	Bệnh DTLCP		
6	Bệnh THT trâu bò		
7	Bệnh DTL cổ điển		
8	Bệnh Tai Xanh		

### **5. Nhu cầu và nguồn vắc xin tiêm phòng cho cả năm:**

#### a) Vắc xin bệnh LMLM cho trâu bò:

- Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 52.250 liều.
- Nguồn vắc xin:
  - + Vắc xin ngân sách tỉnh mua: 19.000 liều.
  - + Vắc xin ngân sách thị xã mua: 31.625 liều.
  - + Vắc xin LMLM năm 2021 chuyển sang: 1.625 liều.

#### b) Vắc xin bệnh cúm gia cầm:

- Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 268.000 liều.
- Nguồn vắc xin: Vắc xin ngân sách tỉnh mua.

#### c) Vắc xin bệnh VDNC trâu bò:

- Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 26.125 liều.
- Nguồn vắc xin: Vắc xin ngân sách thị xã mua: 26.125 liều.

#### d) Vắc xin bệnh DTLCP:

- Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 12.000 liều.
- Nguồn vắc xin: Vắc xin ngân sách thị xã mua: 12.000 liều.

#### đ) Vắc xin bệnh dịch tả lợn cổ điển:

- Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 12.000 liều.
- Nguồn vắc xin: Ngân sách thị xã mua: 12.000 liều.

#### e) Vắc xin bệnh THT trâu bò :

- Tổng nhu cầu vắc xin cả năm: 26.125 liều.
- Nguồn vắc xin: ngân sách thị xã mua: 26.125 liều.

g) Vắc xin bệnh Tai xanh: Không tổ chức tiêm định kỳ đại trà, chỉ thực hiện tiêm phòng bao vây khi có dịch xảy ra.

h) Vắc xin bệnh Đại động vật: Người nuôi chó mèo chi trả tiền mua vắc xin và công tiêm phòng.

Cụ thể nhu cầu và nguồn vắc xin các bệnh như sau:

TT	Loại vắc xin tiêm phòng	ĐVT	Nhu cầu vắc xin cả năm	Trong đó		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	
					Năm 2022	Năm 2022
1	LMLM gia súc	Liều	52.250	19.000	31.625	1.625
2	Cúm gia cầm	Liều	268.000	268.000		
3	VDNC trâu bò	Liều	26.125		26.125	
4	DTLCP	Liều	12.000		12.000	
5	DTL cổ điển	Liều	12.000		12.000	
6	THT trâu bò	Liều	26.125		26.125	
7	Tai xanh lợn	Thực hiện tiêm phòng bao vây khi có dịch xảy ra.				
8	Đại động vật	Người nuôi chó mèo chi trả tiền mua vắc xin và công tiêm phòng.				

### 6. Nhu cầu và loại hóa chất khử trùng môi trường:

Tổng nhu cầu hóa chất năm 2022 là: 4.458 lít Benkocid (*tính cấp 1.900, còn tồn năm 2021 chuyển sang 2.558 lít*); 2.000 kg Sodium Chlorine; 100 lít Iodine, thuốc diệt côn trùng: 300 chai, Chlorine: 4.800 kg.

\* Nguồn hóa chất: Ngân sách thị xã mua cấp: 4.800 kg Chlorine, 100 lít Iodine, 300 chai thuốc diệt côn trùng.

\* Phun hóa chất khử trùng môi trường: phun định kỳ 2 đợt/năm; phun theo kế hoạch chỉ đạo của tỉnh và thị xã.

### 7. Nội dung chi

a) Tiêm phòng các loại vắc xin cho gia súc, gia cầm

a1) Mua vắc xin tiêm phòng:

TT	Loại vắc xin	Phân cấp Nguồn kinh phí	Đơn vị thực hiện (xã, phường)
1	Cúm gia cầm	NS tỉnh 100%	15 xã, phường của thị xã
2	Lở mồm long móng	NS tỉnh và NS thị xã	
3	Đại động vật	Người chăn nuôi chi trả	
4	Viêm da nổi cục	NS thị xã 100%	

<b>TT</b>	<b>Loại vắc xin</b>	<b>Phân cấp Nguồn kinh phí</b>	<b>Đơn vị thực hiện (xã, phường)</b>
5	Dịch tả lợn Châu Phi	NS thị xã 100%	
6	Tụ huyết trùng trâu, bò	NS thị xã 100%	
7	Dịch tả lợn cổ điển	NS thị xã 100%	
8	Tai xanh	Khi có dịch	

*Ghi chú: Đối với vắc xin tai xanh sẽ lập kế hoạch mua khi xảy ra dịch.*

a2) Bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp tham gia tiêm phòng:

<b>TT</b>	<b>Loại vắc xin</b>	<b>Phân cấp nguồn kinh phí</b>	<b>Đơn vị (xã, phường)</b>
1	Cúm gia cầm	NS thị xã 100%	15 xã, phường của thị xã
2	Lở mồm long móng	NS thị xã 100%	
3	Dại động vật	Người chăn nuôi chi trả	
4	Viêm da nổi cục	NS thị xã 100%	
5	Dịch tả lợn Châu Phi	NS thị xã 100%	
6	Tụ huyết trùng trâu, bò	NS thị xã 100%	
7	Dịch tả lợn cổ điển	NS thị xã 100%	
8	Tai xanh	NS tỉnh 100%	

a3) Bồi dưỡng cán bộ thị xã, các xã, phường chỉ đạo tiêm phòng và những chi phí khác phục vụ cho công tác tiêm phòng vắc xin phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng văn bản.

b) Giám sát dịch bệnh: Khi gia súc, gia cầm và động vật thủy sản có biểu hiện bệnh, chết lấy mẫu xét nghiệm để xác định các bệnh và các chủng virus gây bệnh.

c) Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã: Tổ chức tập huấn tiêm phòng, phổ biến các văn bản quy định của Nhà nước trong công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thú y cơ sở để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn thị xã.

d) Chống dịch gia súc, gia cầm và thủy sản: UBND các xã, phường chủ động sử dụng nguồn kinh phí dự phòng của địa phương để chi phục vụ công tác chống dịch trên địa bàn; kết thúc chống dịch, tổng hợp kinh phí thực hiện theo thực tế và chế độ tài chính quy định hiện hành, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã để thẩm tra, trình UBND thị xã quyết định bổ sung kinh phí cho UBND các xã, phường.

\* Những đàn gia súc, gia cầm thuộc đối tượng tiêm phòng không chấp hành tiêm phòng theo Kế hoạch, không thực hiện đúng các hướng dẫn của ngành chức năng như không kiểm dịch con giống, không nuôi đúng lịch thời vụ... để xảy ra dịch bệnh thì sẽ không được hỗ trợ theo quy định và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

**8. Kinh phí thực hiện:** Tổng kinh phí: 3.678.265.500 đồng, trong đó:

- Kinh phí phòng chống dịch cúm gia cầm: 140.150.000 đồng.
- Kinh phí phòng chống dịch LMLM gia súc: 906.912.500 đồng.
- Kinh phí phòng chống dịch THT trâu, bò và dịch tả lợn: 394.050.000 đồng.
- Kinh phí phòng chống bệnh dại động vật: 30.550.000 đồng.
- Kinh phí phòng chống bệnh VDNC trâu, bò: 1.088.875.000 đồng.
- Kinh phí phòng chống bệnh DTLCP: 494.428.000 đồng.
- Kinh phí phòng chống bệnh Tai xanh: 4.500.000 đồng.
- Kinh phí tiêu độc khử trùng môi trường: 431.400.000 đồng.
- Phòng chống bệnh động vật thủy sản: 187.400.000 đồng.

*(Chi tiết có phụ lục 1,2,3,4,5,6,7,8,9 kèm theo)*

## **9. Thanh quyết toán kinh phí:**

Thanh quyết toán kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn thị xã Đức Phổ năm 2022 phải theo kế hoạch đã được Chủ tịch UBND thị xã phê duyệt và theo số lượng thực tế phát sinh, đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước; số lượng gia súc, gia cầm được tiêm phòng hoặc tiêu hủy phải có xác nhận của địa phương và tổ chức, cá nhân người chăn nuôi gia súc, gia cầm. Số lượng cán bộ chỉ đạo và lực lượng tham gia công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm (cả cán bộ trực tiếp tiêm phòng) phải có xác nhận của chính quyền địa phương (bảng chấm công).

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. UBND các xã, phường: Xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch gia súc, gia cầm và động vật thủy sản của địa phương mình. Đồng thời, chỉ đạo cán bộ phụ trách Thú y các xã, phường triển khai tiêm phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và phun thuốc tiêu độc, khử trùng môi trường theo kế hoạch chỉ đạo của tỉnh và thị xã. Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn mình quản lý.

2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã: Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn thị xã năm 2022 đạt kết quả; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Tham mưu UBND thị xã phân bổ kinh phí cấp cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã. Kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Phòng Kinh tế: theo dõi, đôn đốc, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thực hiện tốt Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện năm 2022 đạt hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng thị xã; Thủ trưởng các phòng: Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Phổ; Giám đốc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Minh Vương**